

Bản án số: 07/2024/DS-PT
Ngày 28 - 11 - 2024
V/v: Tranh chấp lời đi chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Thẩm phán: Bà Điều Thị Kim Liên, Bà Tông Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc Tranh chấp lời đi chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2024/DS-PT ngày 30 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1976 và ông Ngô Duy Q, sinh năm 1973. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Duy Q: Bà Nguyễn Ngọc B. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Bích L - luật sư Văn phòng L3 – Đoàn luật sư tỉnh S. Địa chỉ: Nhà số G, ngõ D đường L, tổ B, phường C, thành phố S. Có mặt.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Lò Thị H1, sinh năm: 1962; địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm: 1927; địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đình V, sinh năm: 1979; địa chỉ: Xóm A, tiểu khu A, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1958. Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:*

Năm 2011 gia đình ông bà có mua của ông Nguyễn Đình Đ (cư trú tại xóm F, tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La) toàn bộ nhà cửa, vườn, nương trồng cây ăn quả theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Đình Đ 00558 QSĐĐ/17/QĐ-UB ngày 08/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện M. Từ khi nhận đất và tài sản, gia đình đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì về ranh giới với các hộ liền kề xung quanh.

Năm 2014, gia đình bà Nguyễn Ngọc B (chồng là Q) đã đến mua lại một số nương của mấy hộ xung quanh và cải tạo thành trang trại lập hợp tác xã. Gia đình ông bà và gia đình bà Lò Thị H1 có nương ở khu vực đó, không bán mà giữ lại để canh tác. Để đi lên nương nhà ông bà và nương nhà bà Lò Thị H1 thì có một lối mòn sử dụng chung với các hộ dân xung quanh. Lối mòn này đã được đi từ trước khi các hộ dân được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi mua lại đất nhà ông Đ, gia đình ông bà vẫn đi làm nương qua lối mòn đó. Đến khi nhà bà Bích Q1 mua đất làm trang trại thì cũng không có ý kiến gì về lối mòn này và mọi người vẫn đi qua vui vẻ.

Tuy nhiên, khi Nhà nước mở đường tránh thị trấn vào năm 2022, diện tích đất của gia đình thuộc diện giải tỏa để làm đường trong đó gồm toàn bộ phần bếp, sân vườn, bể, giếng và công trình phụ. Chỉ còn lại mảnh nương giáp với nương nhà ông bà Quyền B2 có số thửa 561, tờ bản đồ số 10-346506-561, gia đình vẫn đi bằng đường mòn từ trước để lên nương. Khoảng tháng 8 năm 2022, nhà Quyền B2 không cho gia đình ông bà và gia đình bà H1 đi nữa dẫn đến lời qua tiếng lại, xô xát giữa hai gia đình. Ban lãnh đạo tiểu khu và Ủy ban nhân dân thị trấn H đã tiến hành hòa giải cho hai bên nhưng bà B2 cho rằng toàn bộ diện tích đất nương mua lại của các hộ dân trước kia gia đình bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình bà không thể hiện có con đường mòn để đi lên nương nên không đồng ý cho nhà ông bà đi qua đất của bà B2 nữa. Ngoài con đường mòn để đi lên nương trên, gia đình ông bà không còn bất kì con đường nào

khác, nên hơn một năm nay gia đình phải bỏ canh tác. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn giải quyết: Buộc gia đình ông bà Quyền B2 phải trả lại con đường mòn là lối đi chung của tất cả các hộ dân, đây là lối đi từ trước khi nhà Quyền B2 mua đất để làm trang trại, để gia đình ông bà có đường để lên nương nhà mình canh tác. Việc xác định lối đi chung này có xác nhận của các hộ dân sống tại khu vực đó gồm: bà Lò Thị H1; bà Giang Thị R, ông Nguyễn Đình M, bà Nguyễn Thị L1, bà Lê Thị Tường V1.

Tại bản tự khai ngày 21/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Duy Q - bà Nguyễn Ngọc B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Ông Q, bà B là chủ thửa đất tại tiểu khu C nay là tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Nguồn gốc đất là do ông Q, bà B nhận chuyển nhượng của 04 hộ bà Phan Thị B3, bà Lê Thị T1, ông Lương Văn H2 và ông Trần Văn H3. Ông Q, bà B đã làm thủ tục sang tên trên bì đỏ của bà Lê Thị T1, ông Lương Văn H2, ông Trần Văn H3. Sau khi nhận chuyển nhượng phần đất trên, gia đình ông Q, bà B phải đi qua một con suối đến một bờ ao khe suối (dài khoảng 40m) cách một đoạn nữa thì mới đến đường đất, đi khoảng 30m đường đất thì mới đến đường bê tông xóm. Ban đầu ông bà tự bắc 02 cây cầu gỗ bằng cành cây và cành bạch đàn để đi qua suối. Vào khoảng năm 2017 do nhu cầu chở phân gio và hoa quả nên gia đình ông bà đã tự xây kè bờ suối, bờ ao 02 cầu bê tông cốt thép qua suối để đi vào khu đất. Gia đình cũng đã tự mở đường chạy đi khắp các thửa đất đã mua (giao nộp kèm ảnh chụp quá trình cải tạo nâng cấp đường của gia đình). Năm 2022 khi Nhà nước mở đường tránh thị trấn, có lầy vào một phần đất của ông bà nên một phần đất đã bị lấp hết bờ ao, suối và 02 cầu bê tông do đường tránh nằm cạnh lối đi vào khu đất của ông bà. Đường mới nâng cao 6m nên ông bà đã phải phá hai hàng cây để cải tạo nâng con đường vào khu đất cao thêm, xây kè và cống cao 08m cho thuận tiện việc đi lại, quá trình cải tạo và nâng cấp con đường vào khu đất của gia đình ông bà đã tốn rất nhiều tiền. Gia đình ông H không đóng góp bất kì khoản tiền hoặc lợi ích vật chất nào để cùng xây đường. Thậm chí còn gây khó khăn cho gia đình. Năm 2022, ông H có xảy ra tranh chấp với gia đình ông Q, bà B. Ông H đã tự tay cắm mốc giáp ranh giữa đất hai gia đình bằng các cọc sắt phi 90 và có mời tiểu khu, thị trấn đến xem ông bà có lấn đất của ông H không. Sau khi xác định ông bà không lấn đất ông H mới không có tranh chấp nữa, hiện các cọc sắt vẫn còn nguyên.

Thực tế con đường đó là do gia đình ông bà thoả thuận với gia đình ông V, ông V đồng ý cho nhà ông bà đi qua nhà ông V để đi vào đất của ông bà ở phía trong. Trong tất cả các giấy tờ đất đai, sơ đồ được thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân gia đình mà ông bà nhận chuyển nhượng đều không có tài liệu nào thể hiện có lối đi chung. Việc ông H, bà T trình bày phần đất của ông H bà T không có lối đi nào khác là không đúng. Ông H bà

T vẫn sử dụng đất và trồng cây ăn quả, có người đến chăm sóc thường xuyên bằng lối đi qua xóm C, tiểu khu C, thị trấn H. Nội dung này ông bà đã lập Vi bằng số 241 ngày 07/3/2024 nộp cho Tòa án. Ngoài ra lối đi của gia đình ông bà mà ông H đang khởi kiện phải đi qua đất của nhà ông V mới đến đất nương nhà ông H. Bà khẳng định đất của ông bà không vây bọc đất của gia đình ông H nên ông bà không có nghĩa vụ phải cho ông H đi lối đi do gia đình ông bà tự mở, tự cải tạo. Còn đối với gia đình bà H1 có phần đất sau đất nhà ông H, nhưng từ trước đến nay sử dụng lối đi khác không đi qua đất nhà ông bà, hiện bà H1 vẫn đang đi lối này. Ông bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn - bà Trần Bích L có ý kiến đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do: ông H, bà T khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đ chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai sang tên nên chưa phải là chủ sở hữu của tài sản để có quyền khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 25/01/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H1 trình bày:

Bà có một mảnh nương có diện tích 2.700m² khai phá từ năm 1970. Bà sử dụng đường đi từ nhà ông T2, bà T3, bà Đ, qua nhà Bằng G qua nhà ông P để đi lên nương của mình. Lối đường mòn đi lên nương, qua ông Bằng G, qua nương bà H4 (con là Hay), qua nương nhà S, qua nương bà K, ông Đ, rồi đi đến nhà chị V1 rồi đến nương nhà bà. Năm 2015 khi nhà ông bà Bích Q1 mua nương nhà ông bà B, ông H3, nhà Sơn L2, bà K1 đã xoá hết đường đi lên nương là con đường mòn của mọi người có từ trước đến nay. Hiện gia đình bà không có đường lên nương đề nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết cho bà đi lại, để gia đình thực hiện canh tác thuận tiện như xưa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Đ trình bày:

Năm 2011 ông có bán nhà và đất nương cho ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị T và đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002. Khi mua bán đất, giữa hai bên chỉ viết giấy viết tay, ngay sau đó ông đã bàn giao nhà và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Ông H, bà T sử dụng nhà, đất cho đến nay, việc đã sang tên quyền sử dụng đất hay chưa thì ông không rõ. Mảnh đất ông bà bán cho ông H, bà T, gia đình đã sống ở đó từ năm 1976 đến năm 2011. Trước kia, nhà ông ở vị trí thứ ba từ ngoài đường to vào, đầu tiên là nhà ông T4 rồi đến ông H5 mới đến nhà ông rồi đến nhà Trúc P. Đất nương của ông bà thì lại ở trong cùng. Để đi vào nương nhà ông thì phải đi qua nhà T, nhà B, nhà ông H5. Trước các hộ bên ngoài gồm cả nhà ông vẫn đi đường mòn để lên nương của gia đình. Các hộ dân đều xác định là con đường đi chung của tất cả mọi người chứ không phải đất riêng của nhà ai. Sau khi ông bán đất cho ông H thì nhà bà Bích Q1 có vào mua đất nương của các hộ lân cận.

Ông cũng không đề ý vì không còn liên quan. Ông xác nhận con đường ông H đang khởi kiện bà Bích Q1 xác định là đường đi chung là con đường gia đình ông đã đi từ năm 1976. Ngoài con đường này không còn con đường nào khác để đi lên nương của mình.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình V trình bày:

Thửa đất nương của ông hiện tại ở tiểu khu B, thị trấn H, huyện M có nguồn gốc là do ông và vợ chồng ông bà Quyền B2 (là chị gái ruột và anh rể của ông) nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn H3 vào năm 2014. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông và ông bà Quyền B2 đã phân chia ranh giới đất rõ ràng giữa hai bên. Phần đất của ông nằm giữa đất của ông bà Quyền B2 và ông bà Hưng T5. Khi nhận chuyển nhượng từ ông H3, trong thửa đất của ông không thể hiện lối đi. Để thuận tiện cho việc chở phân gio và thu hoạch hoa quả, gia đình ông đã tự phải mở đường đi giữa các hàng cây ăn quả. Đến nay để đi ra đường tránh 26/3, ông phải đi nhờ qua đất nhà ông bà Bích Q1 và ông cũng đồng ý để nhà Bích Q1 đi qua đất nhà ông để lên mảnh nương khác của nhà họ.

Ông xác nhận không có con đường nào đi qua giữa nhà Bích Q1 gọi là lối đi chung và đi qua đất nhà ông. Toàn bộ các lối đi lên nương đều do ông và nhà bà B2 tự khai phá, tự mở và chịu toàn bộ chi phí không có ai đóng góp gì. Ông không đồng ý cho người khác ngoài nhà Bích Q1 được sử dụng các lối đi do ông và nhà Bích Q1 mở để đi lại quanh nương của hai nhà.

Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với hiện trạng con đường đang có tranh chấp giữa các đương sự.

Tổng diện tích con đường hiện gia đình bà B2 ông Q1 đã cải tạo để sử dụng: $S = 559,3\text{m}^2$ (đường bê tông là $25,6\text{m}^2$, đường đất $533,7\text{m}^2$).

- + Phía Đông Bắc giáp đường tránh 26-3 có chiều rộng $7,29\text{m} + 4,26\text{m}$;
- + Phía Đông Nam từ ranh giới giải phóng mặt bằng đến hết đất bà B2 $108,89\text{m}$;
- + Phía Nam giáp đoạn đường tiếp theo con đường đang có tranh chấp (giáp đất ông V): rộng $1,61\text{m}$;
- + Phía Tây: $166,5\text{m}$ giáp đất bà B2; $20,27\text{m}$ giáp đất ông H (phía giáp đất ông H, bà B2 đã xây kè đá cao hơn nền đất cũ 6m ; phía cổng xây kè đá trên cổng cao 8m so với nền đất cũ).

Đối với con đường này, nguyên đơn chỉ yêu cầu xem xét xác định con đường đi chung có chiều rộng $1,5\text{m}$.

Đề đi được đến nương nhà ông H, bà T5 thì ngoài đoạn đường đang có tranh chấp với nhà bà B2, ông Q1 thì còn một đoạn đường đi qua đất của ông V (hiện chưa có tranh chấp). Theo nguyên đơn có con đường mòn để đi lên nương nhà mình từ đất của ông V nhưng qua xem xét, thẩm định tại chỗ thì toàn bộ là vườn cây ông V đang canh tác không có con đường nào lên nương nhà ông H, bà T5.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ: khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định lối đi chung có diện tích 280,4m², tứ cận tiếp giáp:

- + Phía Đông Bắc giáp đường tránh 26-3 có chiều rộng 1,5m;
 - + Phía Đông Nam từ ranh giới giải phòng mặt bằng đến hết đất nhà bà B2 179,34m;
 - + Phía Nam giáp đoạn đường tiếp theo con đường đang có tranh chấp (giáp đất ông V) là 1,53m;
 - + Phía Tây giáp đất bà B2 165,56m; giáp đất ông H 15,45m
- (Theo sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2024).

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, về chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/8/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T giữ nguyên kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn; sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Bị đơn vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H1 trình bày: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận phần diện tích đất đang tranh chấp là lỗi đi chung, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T là hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa nhận thấy, bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là có căn cứ, đúng pháp luật. Nguyên đơn có kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Vụ án có đối tượng tranh chấp là lỗi đi chung thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Nguyễn Ngọc B, ông Ngô Duy Q về Tranh chấp lỗi đi chung là đúng thẩm quyền theo quy định.

[1.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2024 nguyên đơn ông Nguyễn Đình H có đơn kháng cáo trong hạn luật định, thỏa mãn về hình thức, chủ thể kháng cáo và phạm vi kháng cáo. Do đó, đơn kháng cáo của ông H được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm là ông Nguyễn Đình Đ có đơn xin xét xử vắng mặt

và ông Nguyễn Đình V vắng mặt, không có lý do. Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T, thấy rằng:

[2.1] Đối với phần diện tích đất tranh chấp, nguyên đơn chỉ có yêu cầu xác định độ rộng con đường là 1,5m (xác định từ phía Tây giáp đất ông H ra phía đất nhà bà B) và chiều dài hết đất nhà ông bà Bích Q1 là lối đi chung. Thừa nhận việc bị đơn đã cải tạo, nâng cấp đường mòn cũ để hình thành nên con đường như hiện tại.

Nguyên đơn đưa ra căn cứ chứng minh là lời chứng của ông Nguyễn Đình M (con trai ông Nguyễn Đình Đ – người đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H, bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U781432, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00558 QSDĐ/17/QĐ-UB ngày 08/01/2002), bà Lò Thị H1, bà Giang Thị R và bà Lê Thị Tường V1, bà Nguyễn Thị L1 với nội dung xác nhận có con đường mòn đi qua đất vườn nương của các hộ phía ngoài vào nương các hộ phía trong. Tuy nhiên vị trí con đường mòn này chỗ nào, độ rộng của con đường là bao nhiêu thì không được những người làm chứng đưa ra dẫn chứng cụ thể.

[2.2] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xác định phần diện tích đất đang tranh chấp theo yêu cầu của bị đơn là 559,3m² trong đó đường bê tông là 25,6 m², đường đất là 533,7m².

[2.3] Xét nguồn gốc phần diện tích đất đang tranh chấp: Diện tích đất đang tranh chấp bà B, ông Q1 đang sử dụng có nguồn gốc được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ 04 hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: hộ bà Phan Thị B3 đã được cấp giấy chứng nhận số U781165, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00019/QSDĐ/17/QĐ-UB ngày 08/01/2002 (bị đơn chưa thực hiện đăng ký biến động đất đai sang tên chính chủ); hộ bà Lê Thị Thông S U781573, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00402/QSDĐ/17/QĐ-UB ngày 08/01/2002, hộ ông Trần Văn H3 số U781101, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00100/QSDĐ/17/QĐ-UB ngày 08/01/2002 và hộ ông Lương Văn H2 số U781079, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00122/QSDĐ/17/QĐ-UB ngày 08/01/2002 (bị đơn đã thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại trang 4 giấy chứng nhận của bà Lê Thị T1, ông Trần Văn H3 và ông Lương Văn H2). Từ khi nhận chuyển nhượng, để đi vào đất của gia đình mình bà B phải đi qua hai đoạn suối, qua ao nhà ông Trúc P như ông bà trình bày. Để thuận tiện cho việc đi lại thì gia đình bà đã phải tự bắc cầu qua suối. Đến đầu năm 2022 thì mở đường tránh 26/3

thì cầu, bờ ao và suối mới bị lấp hết. Gia đình tiếp tục phải đổ đất nâng lên thêm 6m từ phía công vào đất của mình mới hình thành như hiện tại.

[2.4] Căn cứ chứng minh là: Toàn bộ quá trình mở đường, làm cầu, cống đều được bà chụp ảnh lại đăng công khai lên mạng xã hội nên đều đã được in ấn ra để giao nộp cho Tòa án. Xác nhận cho việc tự mở con đường hiện tại đang sử dụng (con đường ông H, bà T đang khởi kiện yêu cầu xác định là lối đi chung) có những người là người trực tiếp sinh sống lâu năm ở khu vực đất đang có tranh chấp và nội dung làm chứng của họ được bà lập thành Vi bằng số 240/2024/VB-TPLTL-HN ngày 07/3/2024 giao nộp cho Tòa án. Ngoài ra, quá trình mở đường, làm cầu cống, giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra tranh chấp mốc giới, đã được Ủy ban nhân dân tiến hành hòa giải xác định lại không có việc lấn chiếm mốc giới.

[2.5] Theo tài liệu có trong hồ sơ thì các thửa đất bị đơn nhận chuyển nhượng của 4 hộ gia đình trên là các thửa đất: thửa số 546 (nhận chuyển nhượng của hộ bà Phan Thị B3); thửa số 545,563,558 (nhận chuyển nhượng của hộ ông Trần Văn H3); thửa số 556 (nhận chuyển nhượng của hộ bà Lê Thị T1); thửa số 544,564 (nhận chuyển nhượng của hộ ông Lương Văn H2) thuộc tờ bản đồ số 10-346506 và trên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thì không thể hiện có lối đi chung.

[2.6] Đối với mảnh đất nương của ông H, bà T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Đình Đ, trú tại tiểu khu B, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La theo giấy viết tay chuyển nhượng nhà đất giữa ông Đ và nguyên đơn, nay nguyên đơn đang quản lý sử dụng. Trong đó, tổng diện tích đất đã chuyển nhượng là ở 11,000m² (bao gồm cả diện tích đất nương và tài sản khác trên đất), với mục đích sử dụng là rừng trồng – BV – PH do UBND huyện M cấp ngày 8/01/2002 cho hộ ông Nguyễn Đình Đ, theo sơ đồ nhà đất tại giấy chứng nhận này hoàn toàn không thể hiện lối đi chung nào với thửa số 546; thửa số 545,563,558; thửa số 556; thửa số 544 thuộc tờ bản đồ số 10-346506 (đất của bị đơn).

[2.7] Đối với yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị đình chỉ giải quyết vụ án do nguyên đơn không phải chủ sở hữu hợp pháp của mảnh đất nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đình Đ: Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đ và ông H xác nhận việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hai bên diễn ra vào năm 2011, có giấy viết tay giữa hai bên, không có chứng thực, công chứng theo quy định. Cho đến thời điểm khởi kiện ông H, bà T chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ theo quy định nhưng các bên tham gia giao dịch đều thừa nhận việc chuyển nhượng đã thực hiện xong và ông H, bà T là người sử dụng đất từ năm 2011 cho đến nay, không có tranh chấp gì về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Như vậy ông H, bà T được xác định là “chủ thể có quyền khác” đối với tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 160 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý yêu cầu khởi

kiện của ông H, bà T theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 169 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.8] Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định, vị trí đất liền kề với đất mà ông H, bà T đang sử dụng là đất của ông Nguyễn Đình V, không phải đất nhà bà B, ông Q1. Tại thời điểm xem xét toàn bộ vị trí tiếp giáp này ông V đã trồng cây ăn quả, không có con đường mòn lên nương ông H. Tuy nhiên ngoài hướng giáp đất của ông V, thửa đất của nguyên đơn vẫn giáp các thửa đất khác. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/06/2024 ông H hiện đang sử dụng con đường đi qua đất tiểu khu C cụ thể đi qua nương của ông Lê Văn T6 để lên nương nhà ông H. Từ đường tránh 26-3 của UBND huyện M (đang thi công) rẽ phải vào bụi tre nhà bà Nhân S1 thuộc xóm B, tiểu khu C, thị trấn H. Tiếp tục rẽ phải đi qua nương nhà ông T6 thì đến đất nương nhà ông H. Như vậy, không có căn cứ xác định nguyên đơn chỉ có một con đường duy nhất dẫn đến nương và không có căn cứ xác định đất nhà B, Quyền đang sử dụng có một đường mòn là lối đi chung.

[2.9] Tại văn bản số 42/HKL-KT ngày 02/7/2024 của Hạt kiểm lâm huyện M xác định các hộ đều sử dụng đúng ranh giới, diện tích đất được cấp. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho các hộ phù hợp với Biên bản bản giao rừng – đất lâm nghiệp, trích lục hình thể lô đất lâm nghiệp. Căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu giao đất, giao rừng nhận thấy trên trích lục hình thể thửa đất lâm nghiệp, Biên bản bản giao rừng – đất lâm nghiệp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ không thể hiện đường mòn để đi lại. Do đó, không xác định được vị trí đường mòn ở đâu, thuộc diện tích nào, hộ nào theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.10] Theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai 2013 thì phần lối đi chung được cam kết phải đăng ký kê khai nhưng hoàn toàn không có, nên ý kiến của các hộ dân nêu trên cũng không phải là căn cứ để công nhận vị trí con đường có diện tích đất 559,3m² đất của bị đơn đang sử dụng là lối đi chung với nguyên đơn.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có kháng cáo nhưng không xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh nên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bà Nguyễn Thị T; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

2. Căn cứ Điều 28, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0001362 ngày 29/08/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Hiếu

CÁC THẨM PHÁN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Thị Kim Liên

Tòng Thị Hiền

Lại Thị Hiếu